

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/DS-ST

Ngày: 25/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trần Xuân Thanh

Ông Nguyễn Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Hồng – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;

Địa chỉ: Tòa nhà CCS, Khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc A - Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C.

Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957;

2. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: ấp K, xã T, huyện C, tỉnh L.

Bà A, ông S có mặt; bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của các đương sự có nội dung:

Căn cứ đề nghị vay vốn của bà Phạm Thị H vào ngày 01/10/2007 tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ, ngày 19/10/2007 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C phê duyệt cho bà Phạm Thị H vay số tiền là 32.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay là 108 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/10/2016, theo Chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Theo đó kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần, số tiền là 4.000.000 đồng/lần, lãi tiền vay được trả theo gốc, bắt đầu trả từ ngày 17/10/2012.

Ngân hàng đã giải ngân cho bà H 06 lần, trong đó, 05 lần vào các ngày 22/10/2007, 20/02/2008, 17/9/2008, 03/02/2009, 11/9/2009, mỗi lần giải ngân 4.000.000 đồng, riêng vào ngày 15/3/2010 do chính sách thay đổi nên số tiền giải ngân là 4.300.000 đồng, tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho bà H là 24.300.000 đồng.

Ngày 01/11/2013, bà H trả được số tiền nợ gốc là 3.400.000 đồng; ngày 29/6/2017, bà H trả được số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc bà H đã trả là 7.400.000 đồng.

Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 5.994.000 đồng tiền lãi gồm 06 lần vào các ngày 01/11/2013, 20/6/2016, 28/6/2016, 20/10/2016, 23/11/2016, 29/6/2017.

Ngày 20/10/2016, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C phê duyệt đề nghị gia hạn nợ của bà Phạm Thị H đối với số tiền nợ gốc là 20.900.000 đồng, thời gian gia hạn là 06 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/3/2017.

Ngày 22/3/2017, bà H vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội nên Ngân hàng chuyển món nợ 20.900.000 đồng của bà H sang nợ quá hạn, lãi suất là 0,65%/tháng ($130\% \times 0,5\% / \text{tháng}$).

Tính đến nay, bà H, ông S còn nợ tiền gốc là 16.900.000 đồng, tiền lãi là 6.191.792 đồng.

Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn – Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (đại diện là bà Nguyễn Thị Ngọc Ân) khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H cùng chồng là ông Nguyễn Hoàng S phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 20.900.000 đồng cùng với số nợ lãi tạm tính đến ngày 31/3/2017 là 6.462.016 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 01/4/2017 cho đến khi bà H, ông S thanh toán hết nợ theo hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 4.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng vào ngày 29/6/2017. Do đó, tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H, ông S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng 16.900.000 đồng nợ gốc, và số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 25/9/2017 là 6.191.792 đồng cùng tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 26/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận là 0,65%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Hoàng S thừa nhận vợ chồng ông bà có vay số tiền 24.300.000 đồng của Ngân

hàng Chính sách xã hội huyện C trong Chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên để đóng học phí cho con ông bà là Nguyễn Hoàng S. Ông, bà đồng ý thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập để tham gia hòa giải thì bà H, ông S vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng S xác định vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng 16.900.000 đồng tiền gốc và 6.191.792 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 25/9/2017. Ông đồng ý cùng bà Phạm Thị H thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng Chính sách xã hội cùng với lãi suất phát sinh, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình ông hiện tại khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông được trả dần hàng tháng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ nêu trên, ông cam kết bắt đầu từ ngày 01/10/2017, vào ngày 01 hàng tháng vợ chồng ông sẽ thanh toán cho Ngân hàng là 1.000.000 đồng/tháng. Trong trường hợp vợ chồng ông vi phạm cam kết thì kể từ ngày vi phạm Ngân hàng có quyền yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ còn lại. Ông đề nghị Ngân hàng miễn cho vợ chồng ông phần tiền lãi quá hạn tính trên nợ gốc tính từ ngày 26/9/2017.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Xét điều kiện, hoàn cảnh gia đình theo lời trình bày của bị đơn, Ngân hàng đồng ý cho ông S, bà H trả dần theo phương án ông S đưa ra. Tuy nhiên Ngân hàng không chấp nhận đề nghị miễn tiền lãi quá hạn, vì đây là tiền vốn cho vay hỗ trợ theo chính sách ưu đãi của Nhà nước nên Ngân hàng không tự ý miễn lãi cho người vay mà phải thực hiện theo đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Có đủ cơ sở buộc ông S, bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội 16.900.000 đồng tiền gốc và 6.191.792 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 25/9/2017, cùng lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Việc các đương sự thỏa thuận với nhau về phương thức trả dần hàng tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, nội dung vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng)” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà H.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H, ông S thanh toán số nợ gốc là 16.900.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/9/2017 là 6.191.792 đồng cùng tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán từ ngày 26/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này với mức lãi suất là 0,65%/tháng. Thấy rằng việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cùng xác nhận của đương sự có đủ cơ sở xác định bà H, ông S có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C) số tiền là 24.300.000 đồng theo Chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên (theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ), với lãi suất trong hạn là 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,65%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/3/2017; bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 7.400.000 đồng tiền gốc, và 5.994.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/9/2017, bà H, ông S chưa thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc là 16.900.000 đồng, tiền lãi là 6.191.792 đồng. Tại Điều 3 Quyết định số 157 quy định “*Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội*”. Trong trường hợp này, bà H, ông S là người đại diện hộ gia đình trực tiếp vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội nên phải có trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng.

[2.2] Tại Án lệ số 08/2016/AL được chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nội dung: “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này*”. Theo đó, kể từ ngày 26/9/2017, ông S, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng là 0,65%/tháng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý với đề nghị của ông Nguyễn Hoàng S về việc ông S, bà H sẽ trả dần hàng tháng với

mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán hết nợ, thời gian trả là vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 01/10/2017. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà H, ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 244; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Án lệ số 08/2016/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Nguyễn Hoàng S, bà Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Hoàng S, bà Phạm Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam 16.900.000 đồng tiền nợ gốc và 6.191.792 đồng tiền lãi (tạm tính đến ngày 25/9/2017). Kể từ ngày 26/9/2017, ông S, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (0,65%/tháng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về phương thức thanh toán khoản nợ nêu trên: Bắt đầu từ ngày 01/10/2017, vào ngày 01 hàng tháng, ông S, bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi nêu trên. Trong trường hợp ông S, bà H không thực hiện đúng cam kết thì kể từ ngày vi phạm Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam được quyền yêu cầu ông S, bà H thanh toán toàn bộ số nợ còn lại.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Hoàng S phải chịu 1.154.589 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Xuân An